

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

Số: /GPXD

- Cấp cho chủ đầu tư: **CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ MINH PHÚC.**
 - Người đại diện: Ông Phan Thế Trí; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
 - Địa chỉ: 04 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 7, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Được phép điều chỉnh xây dựng công trình thuộc dự án: Trang trại chăn nuôi heo Minh Phúc.
 - Theo thiết kế: Hồ sơ thiết kế bản vẽ xin phép xây dựng đính kèm.
 - Do: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Miền Trung Structure lập (Địa chỉ: 105 Tân Trào, Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).
 - + Chủ trì thiết kế: ông Nguyễn Bá Toàn, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00082169 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 13/10/2022.
 - + Chủ trì thiết kế kiến trúc: bà Ngô Thị Hồng Phi, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00000006 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 09/12/2021.
 - + Chủ trì thiết kế kết cấu: ông Tôn Hoàng Diễm, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00147061 ngày 11/7/2022 đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.
 - + Chủ trì thiết kế điện: ông Trần Thanh Hoà, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00136347 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 29/11/2024.
 - + Chủ trì thiết kế cấp thoát nước: ông Nguyễn Đại Huỳnh, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00123314 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 16/7/2024.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Hoàng Thiện (Địa chỉ: Khu phố Thạch Chăm, Phường Hòa Xuân Tây, Tx. Đông Hòa, tỉnh Phú Yên) và được Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt tại Quyết định số 15/QĐ-MP ngày 14/12/2024.
 - + Chủ trì thẩm tra kiến trúc: bà Phan Thị Tuyết Nhi, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00000018 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 25/11/2022.
 - + Chủ trì thẩm tra kết cấu: Phạm Trọng Thành, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00049492 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 03/01/2024.
 - + Chủ trì thẩm tra điện: Nguyễn Ngọc Hà, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00082165 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/01/2020.
 - + Chủ trì thẩm tra cấp thoát nước: Lê Thanh Tuấn, chứng chỉ hành nghề số: PHY-00082191 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/01/2020.
 - Gồm các nội dung chính sau:
 - + Vị trí xây dựng: Thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 40, diện tích: 410.281,7m² (Đất nông nghiệp khác), tại thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- + Tổng số hạng mục công trình: 55 hạng mục (có Phụ lục kèm theo).
- + Diện tích xây dựng: 65.809,25 m².
- + Tổng diện tích sàn: 65.809,25 m².
- + Chiều cao, số tầng các hạng mục công trình: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.
- + Mật độ xây dựng: 16,04%; Hệ số sử dụng đất: 0,16.
- + Chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ: Theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trang trại chăn nuôi heo Minh Phúc được duyệt.

+ Màu sắc, vật liệu: Không sử dụng màu gây chói, lóa mắt, có độ phản quang >70%; không dùng vật liệu dễ bắt lửa, vật liệu thô sơ, tạm, nên sử dụng vật liệu có độ bền vững lâu dài.

+ Những nội dung khác: Chi tiết tại hồ sơ thiết kế, các văn bản kèm theo và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

Lưu ý: Nội dung hồ sơ thiết kế được cấp theo Giấy phép xây dựng điều chỉnh không bao gồm các bản vẽ chi tiết kết cấu và các bản vẽ bố trí điện trong công trình.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 963737 do UBND tỉnh Phú Yên (TUQ. Chủ tịch - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký) cấp ngày 04/4/2024.

4. Giấy phép này thay thế Giấy phép số 25/GPXD ngày 17/4/2024, có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Chi cục Thuế khu vực Tây Hòa - Phú Hòa;
- UBND xã Hòa Phú (theo dõi quản lý);
- Trang Thông tin điện tử của UBND huyện;
- Lưu: VT.

Tây Hòa, ngày tháng năm 2024

TM. UBND HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Ne

PHỤ LỤC

Danh sách các hạng mục công trình thuộc dự án Trang trại chăn nuôi heo Minh Phúc

(Kèm theo Giấy phép xây dựng điều chỉnh số:...../GPXD ngày/...../2024
do UBND huyện Tây Hòa cấp)

TT	Ký hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Số tầng	Diện tích	Tổng diện tích	Cao độ đỉnh công trình so với cos $\pm 0,000$ (m)	Cao độ đáy công trình so với cos $\pm 0,000$ (m)
1	B7	Nhà heo thịt	m ²	20	1	1.397,30	27.946,00	6,010	
2	14	Kho thuốc + WC	m ²	1	1	28,56	28,56	5,150	
3	16	Nhà để xác heo	m ²	3	1	10,24	30,72	4,190	
4	22	Móng silo cám	m ²	29	-	11,22	325,38	0,400	
5	65	Bể ngâm đan có mái che	m ²	2	1	8,61	17,22	3,600	
6	1	Cổng chính và bảng hiệu	m	1	-	-	-	2,500	
7	2	Nhà bảo vệ và sát trùng xe máy	m ²	1	1	99,81	99,81	4,588	
8	3	Nhà sát trùng khu sinh hoạt	m ²	1	1	98,01	98,01	4,740	
9	4	Nhà ăn + bếp	m ²	1	1	167,93	167,93	4,850	
10	5	Nhà văn phòng	m ²	1	1	121,38	121,38	4,280	
11	6	Nhà ở 1	m ²	1	1	248,56	248,56	4,690	
12	7	Nhà ở 2	m ²	1	1	304,72	304,72	4,690	
13	8	Bể nước 2400m ³	m ²	1	-	262,50	262,50	3,605	-3,000
14	9	Tháp nước 60m ³	m ²	1	1	60,59	60,59	17,050	
15	10	Trạm biến áp - 750kVA	m ²	2	-	-	-	-	
16	11	Nhà máy phát điện	m ²	2	1	93,00	186,00	5,910	
17	12	Kho dụng cụ cơ khí	m ²	1	1	100,86	100,86	5,740	
18	13	Nhà sát trùng khu sản xuất	m ²	1	1	137,43	137,43	5,970	
19	17	Đài xuất heo	m ²	2	1	25,20	50,40	4,730	
20	18	Đài nhập heo	m ²	1	1	5,04	5,04	4,640	
21	19	Cầu xuất/nhập heo	m ²	3	1	55,36	166,08	5,230	
22	20	Cân điện tử	m ²	2	1	20,71	41,42	4,480	
23	21	Nhà xuất bán heo	m ²	1	1	431,20	431,20	7,210	

TT	Ký hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Số tầng	Diện tích	Tổng diện tích	Cao độ đỉnh công trình so với $\pm 0,000$ (m)	Cao độ đáy công trình so với $\pm 0,000$ (m)
24	23	Nhà hủy xác	m ²	1	1	960,48	960,48	4,880	
25	24	Hàng rào gạch	m	1	-	1.644,00	-	2,200	
26	25	Hàng rào gạch + lưới B40	m	1	-	2.065,00	-	2,000	
27	26	Hàng rào lưới B40	m	1	-	933,00	-	2,200	
28	27	Nhà chứa rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại	m ²	1	1	15,00	15,00	3,740	
29	30	Nhà tắm khu hủy xác	m ²	1	1	6,48	6,48	3,320	
30	31	Nhà rửa xe tải và kho dụng cụ	m ²	1	1	158,39	158,39	7,440	
31	32	Phòng cân	m ²	1	1	9,60	9,60	5,650	
32	33	Nhà sát trùng xe tải	m ²	1	1	94,00	94,00	6,560	
33	34	Nhà sát trùng tài xế	m ²	1	1	14,48	14,48	3,660	
34	35	Nhà công nhân xuất bán	m ²	1	1	51,52	51,52	4,460	
35	36	Nhà vệ sinh khu xuất bán	m ²	1	1	11,57	11,57	3,520	
36	37	Cầu cân xe tải 60 tấn	m ²	1	1	71,18	71,18	0,050	-1,150
37	38	Nhà đậu xe	m ²	1	1	231,00	231,00	5,990	
38	39	Nhà downtime	m ²	1	1	35,36	35,36	4,750	
39	54	Nhà điều hành - Công ty Minh Phúc	m ²	1	1	67,60	67,60	4,750	
40	60	Nhà công nhân rửa xe	m ²	1	1	41,54	41,54	5,050	
41	61	Nhà tắm khu xuất bán	m ²	1	1	13,91	13,91	4,260	
42	62	Nhà chứa vôi	m ²	1	1	15,00	15,00	3,750	
43	63	Nhà tắm xuất bán bên trong	m ²	1	1	7,48	7,48	4,650	
44	64	Nhà điều khiển Silo trung tâm	m ²	1	1	7,50	7,50	3,840	
45	40	Bể thu gom	m ²	1	-	256,85	256,85	0,500	-4,500
46	41	Nhà ép phân	m ²	1	1	280,00	280,00	4,700	
47	42	Hầm biogas	m ²	2	-	4.000,00	8.000,00	1,500	-4,500
48	43	HỒ lắng/hồ điều hòa	m ²	1	-	900,00	900,00	1,500	-2,000

TT	Ký hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Số tầng	Diện tích	Tổng diện tích	Cao độ đỉnh công trình so với cos ±0,000 (m)	Cao độ đáy công trình so với cos ±0,000 (m)
49	44	Cụm bể xử lý nước thải	m ²	1	-	490,50	490,50	1,500	-3,000
50	45	Hồ sinh học	m ²	2	-	1.250,00	2.500,00	1,500	-1,000
51	46	Hồ chứa nước tái sử dụng	m ²	3	-	2.880,00	8.640,00	1,500	-5,500
52	47	Nhà điều hành khu XLNT	m ²	1	1	50,00	50,00	4,650	
53	48	Hồ sự cố	m ²	1	-	450,00	450,00	1,500	-3,000
54	49	Sân phơi bùn	m ²	1	-	200,00	200,00	0,500	-1,000
55	53	Hồ chứa nước mưa	m ²	8	-	1.425,00	11.400,00	1,000	-4,000
Tổng diện tích xây dựng hạng mục công trình (m²)							65.809,25		

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:
.....
.....
.....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:
.....
.....
.....

Tây Hoà, ngày.....tháng.....năm.....

TM. UBND HUYỆN